

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-5-2024
Về việc ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mộng Chi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Thía

Bà Lê Thị Quyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Quốc V, sinh năm: 1982 (yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: K 3, thị trấn U M, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Đào O, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: K 3, thị trấn U M, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và đơn yêu cầu nguyên đơn ông Lê Quốc V trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2013 ông và bà Nguyễn Thị Đào O tự nguyện làm đám cưới, chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau. Sau khi thành hôn vợ chồng chung sống có một con chung. Thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi nhau nên không thể hàn gắn được. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đào O.

Về con chung: Có một con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 10/11/2014 hiện sống với bà O. Khi ly hôn con chung có nguyện vọng sống với bà O ông đồng ý giao con cho bà O nuôi dưỡng và đồng ý cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không có

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo đơn trình bày ý kiến bị đơn bà Nguyễn Thị Đào O trình bày:

Bà đồng ly hôn với ông Lê Quốc V; vợ chồng có một con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 10/11/2014 hiện sống với bà. Khi ly hôn con chung có nguyện vọng sống với bà thì bà nuôi con; yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Ông Lê Quốc V yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đào O tranh chấp được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bà O đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông V, bà O theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Quốc V và bà Nguyễn Thị Đào O làm đám cưới chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 2013 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau theo quy định nên quan hệ hôn nhân của ông V và bà O là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông V yêu cầu ly hôn với bà O vì ông V xác định vợ chồng chung sống không hạnh phúc, bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, bà O đồng ý ly hôn với ông V. Từ đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của ông V và bà O không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông V ly hôn với bà O.

[3] Về nuôi con chung: Ông Lê Quốc V và bà Nguyễn Thị Đào O có một con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 10/11/2014. Xét thấy, con chung hiện do bà O nuôi dưỡng, con chung có nguyện vọng sống chung với bà O, ông V cũng đồng ý giao con chung cho bà O nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con chung khi cha mẹ ly hôn Hội đồng xét xử giao con chung tên Lê Khánh B cho bà O tiếp tục nuôi dưỡng. Ông V không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà O yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung Lê Khánh B cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*” và ông V cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Từ đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà O. Buộc ông V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Khánh B mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông V và bà O xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[6] Về án phí sơ thẩm: Ông Lê Quốc V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình

sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Lê Quốc V. Ông Lê Quốc V được ly hôn với bà Nguyễn Thị Đào O.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Khánh B, sinh ngày 10/11/2014 cho bà Nguyễn Thị Đào O tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Lê Quốc V không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Lê Quốc V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Lê Khánh B, sinh ngày 10/11/2014 mỗi tháng 1.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Đối với khoản tiền phải cấp dưỡng. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Ông Lê Quốc V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng. Ông Lê Quốc V đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006270 ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được đối trừ, ông V phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Ông V, bà O vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mộng Chi